Part 2: what – how – yes/no Question – negative - tag

1. What

* Câu trả lời thường là danh từ như: thời gian, màu sắc, các thể loại của thứ gì ( để trả lời cho các câu hỏi what time/ color/kind of,…)
* Ex: what should I do with this package?
* Give it to the manager (dạng mệnh lệnh)
* What did you buy yesterday?
* Office supplies = office equipment
* Ý kiến cá nhân để trả lời cho các câu hỏi (what do you think of/ what’s your opinion?
* Ex: what is your opinion of the bank’s new lending policy?
* I think it’s a little bit dangerous
* + Loại ( các từ đồng âm giữa câu hỏi và câu trả lời, loại các từ giống nhau nhưng khác loại từ)
* VD: Từ đồng âm khác nghĩa
* When will the board meeting begin? → Buổi họp hội đồng khi nào bắt đầu?  
  A. After the president arrives. → Sau khi chủ tịch đến.  
  B. In the conference room. → Ở phòng hội nghị.  
  C. We should board the plane now. → Chúng ta nên lên máy bay bây giờ thôi.
* VD: Các từ giống nhau nhưng khác nghĩa
* Hasn't the company hired more workers yet? → Công ty đã thuê thêm nhân viên chưa?  
  A. Yes, I'm leaving for work now. → Vâng, tôi đang đi làm.  
  B. Yes, it will get higher. → Vâng, nó sẽ cao hơn.  
  C. They're still interviewing people. → Họ đang còn phỏng vấn.
* + loại câu trả lời có yes/no, sure, absolutely,…)
* + luôn đúng: I don’t know, I have no idea, im not sure, I, we,……havent……yet
* + luôn đúng: call tom, ask tom, why don’t ask tom, tom probably know,…

Practice 1: Read the questions and choose the correct response: (A), (B) or (C)

1. What time does your flight leave?

A. Yes, let's leave

B. Is that the time?

C. At five – fifteen

2. What was the weather like on your vacation?

A. I hope it's not raining

B. it was ok

C.I didn't like the hotel

3. What do you do on Saturday?

A. I'm looking forward to it.

B. No, I don’t

C. I usually see my friends

4. What's your plan for cutting costs this year?

A. I haven't decided yet

B. It cost more than I expected

C. I hear it's expensive

5. What's your office like?

A. I don't like to work late

B. That's good idea

C. It's pretty big

6. What kind of business is Jason in?

A. He's an engineer

B. Yes, business is good

C. He'll be back tomorrow

Practice 2 file 001

1. A B C
2. A B C
3. A B C
4. A B C
5. A B C
6. A B C
7. A B C
8. A B C

Practice 3: (002)

1. What are your business hours? A B

2. What's the fastest way to fet to the airport? A B

3. What's the charge for renting a car here? A B

4. What time were we supposed to meet him? A B

5. What do you think of my application? A B

6. What is the deadline for your report? A B

7. What were you doing when I called this morning? A B

8. What brings you here from thousands of miles away? A B

**Practice 4: Listen and choose the correct answer (File 003)**

1. Mark you answer on your answer sheet A B C
2. Mark you answer on your answer sheet A B C
3. Mark you answer on your answer sheet A B C
4. Mark you answer on your answer sheet A B C
5. Mark you answer on your answer sheet A B C
6. Mark you answer on your answer sheet A B C
7. Mark you answer on your answer sheet A B C
8. Mark you answer on your answer sheet A B C
9. Mark you answer on your answer sheet A B C
10. Mark you answer on your answer sheet A B C
11. How ( tình trạng, phương pháp)

* Số lượng
* Ex: how much is this stapler?
* 2 dollars
* Khoảng thời gian

Ex: how long have you been there?

* 2 years
* Mốc thời gian

Ex: how soon can you deliver the item?

* Next Monday at the latest
* **How can:**Hỏi về cách thức => câu trả lời là lời hướng dẫn

Ví dụ: How can I find the bus stop?

Turn right. It's in front of ACD school.

* **How often:** Hỏi về tần suất => câu trả lời về số lần/ độ thường xuyên

Ví dụ: Twice a week (hai lần 1 tuần), Always/ often/ sometimes/ …

* Lời khuyên
* VD: how do I operate/use this machine?
* Press the button/ let me help you
* + Loại ( các từ đồng âm giữa câu hỏi và câu trả lời, loại các từ giống nhau nhưng khác loại từ)
* VD: Từ đồng âm khác nghĩa
* When will the board meeting begin? → Buổi họp hội đồng khi nào bắt đầu?  
  A. After the president arrives. → Sau khi chủ tịch đến.  
  B. In the conference room. → Ở phòng hội nghị.  
  C. We should board the plane now. → Chúng ta nên lên máy bay bây giờ thôi.
* VD: Các từ giống nhau nhưng khác nghĩa
* Hasn't the company hired more workers yet? → Công ty đã thuê thêm nhân viên chưa?  
  A. Yes, I'm leaving for work now. → Vâng, tôi đang đi làm.  
  B. Yes, it will get higher. → Vâng, nó sẽ cao hơn.  
  C. They're still interviewing people. → Họ đang còn phỏng vấn.
* + loại câu trả lời có yes/no, sure, absolutely,…)
* + luôn đúng: I don’t know, I have no idea, im not sure, I, we,……havent……yet
* + luôn đúng: call tom, ask tom, why don’t ask tom, tom probably know,…

Practive 1:

1. How was your stay in Madrid?
2. I stayed there a week

B. It's a long way

C. It was great, thanks

2. How many people work in your company?

A. Over a hundred

B. Most people drive to work

C. Nobody accompanied me

3. How late is the store open on Sundays?

A. I ate already, thank you

B. Yes, it opens ay eight

C. We close at nine on weekends

4. How much paper did you order?

A. Enough for two months

B. I read the newspaper this morning

C. I need some for the printer

5. How well do you know Darren?

A. I didn't know that

B. We were at school together

C. He's not very well

6. How about going to a movie tonight?

A. It's not moving at all

B. I didn't like it very much

C. That's a great idea

Practice 2: file 006

1. How old is Tim's cat? A B C

2. How can I help you? A B C

3. How many ink cartridges do you need? A B C

4. How much time will it take? A B C

5. How did you hear about the job? A B C

6. How do we get the South Exit from here? A B C

Practice 3: (007)

1. A B C
2. A B C
3. A B C
4. A B C
5. A B C
6. A B C
7. A B C
8. A B C

**Practice 4: Listen and choose the correct answer (File 008)**

1. Mark you answer on your answer sheet A B C
2. Mark you answer on your answer sheet A B C
3. Mark you answer on your answer sheet A B C
4. Mark you answer on your answer sheet A B C
5. Mark you answer on your answer sheet A B C
6. Mark you answer on your answer sheet A B C
7. Mark you answer on your answer sheet A B C
8. Mark you answer on your answer sheet A B C
9. Mark you answer on your answer sheet A B C
10. Mark you answer on your answer sheet A B C
11. Yes/no question, tag, negative

Câu trả lời:

* Yes/no + S: chur ngữ phải có liên quan đến câu hỏi

Vd: did the technician fix our system?

* Yes, he very skilled
* Yes+ thông tin phụ

Vd: are you looking for anything in particular ( riêng biệt)

* Yes, I need a gift for my brother’s birthday
* NO+ thông tin để giải thích tại sao cái thông tin ở câu hỏi lại không đúng

Vd: were you late to work this morning?

* No, I’ve arrived on time
* **Các dạng trả lời thường gặp**

**✓ Bắt đầu bằng Yes/ No:**

*Ví dụ:*Have you introduced yourself to the new employee?

- No, I’ve been busy today

**✓ Không bắt đầu bằng Yes/ No:**

*Ví dụ:*Will you be checking your e-mail tomorrow?

Actually, I’ll be on vacation.

* **Lời khuyên**

➨ Một số từ hay gặp trong câu trả lời cần nhớ:

+ Sure/ Of course (Chắc chắn rồi)

+ Why not? (Sao không?)

+ Yes/ No

+ same sound (sai)

Practice 1: Match each question (1-6) with the correct response (a-1) (đọc và nối)

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Did you see the Vice President yesterday?  2. Can you e-mail the documents to me?  3. Are you going home by bus?  4. Have you seen my cell phone anywhere?  5. Would you like a double room?  6. Does Vicky know you're going to be late? | a. I think it's in the bathroom  b. No, I think I'll take a taxi  c. No, a single is Ok  d. I'll do it right away  e. Yes, I phoned her ten minutes ago.  f. Yes, we had a useful meeting |

Practice 2: (File 013)

1. Will the flight be on time? A B C

2. Have you booked a room yet? A B C

3. Do you want something to eat? A B C

4. Would you like to use the bathroom? A B C

5. May I take your coat? A B C

6. Can you book a table for five? A B C

**Practice 3: Listen and choose the correct answer (File 014)**

1. Mark you answer on your answer sheet A B C
2. Mark you answer on your answer sheet A B C
3. Mark you answer on your answer sheet A B C
4. Mark you answer on your answer sheet A B C
5. Mark you answer on your answer sheet A B C
6. Mark you answer on your answer sheet A B C
7. Mark you answer on your answer sheet A B C
8. Mark you answer on your answer sheet A B C

Practice 4: (File 015)

1. Doesn't the scanner work anymore? A B C

2. Weren't you going to meet Jen this afternoon? A B C

3. Hasn't the accountant finished yet? A B C

4. Isn't the President a great speaker? A B C

5. Didn't I ask you to get some more ink? A B C

6. Shouldn't you put on a coat? A B C

Practice 5: 016

1. A B C
2. A B C
3. A B C
4. A B C
5. A B C
6. A B C
7. A B C
8. A B C

**Practice 6: Listen and choose the correct answer (File 017)**

1. Mark you answer on your answer sheet A B C
2. Mark you answer on your answer sheet A B C
3. Mark you answer on your answer sheet A B C
4. Mark you answer on your answer sheet A B C
5. Mark you answer on your answer sheet A B C
6. Mark you answer on your answer sheet A B C
7. Mark you answer on your answer sheet A B C
8. Mark you answer on your answer sheet A B C
9. Mark you answer on your answer sheet A B C
10. Mark you answer on your answer sheet A B C

**5. Tag question (Câu hỏi đuôi)**

* **Các dạng trả lời thường gặp**

**✓ Trả lời có Yes/No:**

*Vídụ:*You know her, don' tyou?  
- No, I don't know.

**✓ Trả lời gián tiếp không có Yes/No:**

*Ví dụ:*You set up chairs in the conference room, didn’t you?

- Yes, 200 seats in total

* **Lời khuyên**

➨ Đây là dạng câu hỏi dễ nhất trong part 2. Bạn chỉ cần chọn đáp án có chứa Yes hay No trong câu trả lời.

➨ Một số từ hay gặp trong câu trả lời cần nhớ:

+ Sure/ Of course (Chắc chắn rồi.)

+ Why not? (Sao không?)

+ Yes/ No

Practice 1: 018

1. A B C
2. A B C
3. A B C
4. A B C
5. A B C
6. A B C
7. A B C
8. A B C

**Practice 2: Listen and choose the correct answer 019**

1. Mark you answer on your answer sheet A B C
2. Mark you answer on your answer sheet A B C
3. Mark you answer on your answer sheet A B C
4. Mark you answer on your answer sheet A B C
5. Mark you answer on your answer sheet A B C
6. Mark you answer on your answer sheet A B C
7. Mark you answer on your answer sheet A B C
8. Mark you answer on your answer sheet A B C
9. Mark you answer on your answer sheet A B C
10. Mark you answer on your answer sheet A B C